

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

Bên mời thầu: Viện Khoa học - Công nghệ mật mã.

Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu: Hàng hóa

Gói thầu TS-01: Mua sắm tài sản, công cụ phục vụ công tác chuyên môn.

Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Ngân sách quốc phòng.

Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.

Phương thức đấu thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: tháng 5 năm 2026.

Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.

Địa điểm giao hàng: Số 23 Ngụy Như Kon Tum, Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Tất cả các hàng hoá và dịch vụ được cung cấp phải có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp, không bị cấm lưu hành ở Việt Nam, hàng hoá phải mới 100% chưa qua sử dụng được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.

- Hàng hóa dự thầu phải được bảo hành tối thiểu 12 tháng và không nhỏ hơn thời gian bảo hành của nhà sản xuất (thời gian bảo hành tối thiểu cụ thể của từng thiết bị theo điểm b Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể).

- Nhà thầu phải cung cấp giấy xác nhận (bản gốc) của chính hãng sản xuất hoặc đại diện của hãng sản xuất tại Việt Nam cam kết các thiết bị thuộc gói thầu: Máy in, Máy Scan trong bảng Phạm vi cung cấp đảm bảo tính an ninh an toàn, không có mã độc hoặc phần mềm độc hại.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch

vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Bên mời thầu xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT, đồng thời giúp Bên mời thầu nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT.

- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại Mẫu số 01A và Mẫu số 01B Chương IV.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Máy in đen trắng Brother HL-L5210DN hoặc tương đương	CHỨC NĂNG IN Phông chữ tích hợp sẵn: 73 PCL, 12 bitmap, 16 bar code, 66 PostScript XỬ LÝ GIẤY Khay giấy chuẩn: ≥ 250 tờ Định lượng giấy của khay giấy chuẩn: 60 đến 163 gsm Khay giấy tay: ≥ 100 tờ Định lượng giấy của khay giấy tay: 60 đến 230 gsm Số lượng nguồn nạp giấy tối đa: 4 Số lượng giấy nạp tối đa: 1.390 tờ Khay giấy ra: ≥ 150 tờ Khổ giấy tối đa: 216 mm x 356 mm Vùng in tối đa: 207 mm x 347 mm In 2 mặt: tự động BẢNG ĐIỀU KHIỂN: Loại: LCD 16 ký tự x 1 dòng GIAO DIỆN KẾT NỐI Hệ điều hành hỗ trợ: Windows XP/Server 2003/Vista/Server 2008/7/Server 2012/8/8.1/10,, Mac OS X 10.8.5, 10.9.x, 10.10x, Linux Cổng USB: USB 2.0 Cổng mạng: 10Base-T/100BaseTX/1000Base-T Phần mềm đi kèm: BRAdmin Light, BRAdmin Professional, Web Based Management Hỗ trợ in qua thiết bị di động: Có (Apple

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		AirPrint, Mopria, Brother iPrint&Scan) CÁC THÔNG SỐ KHÁC: Kích thước (HxWxD): 257 mm x 373 mm x 388 mm Khối lượng: 10,7 kg Nguồn điện: 220-240V, AC 50/60Hz Công suất tiêu thụ khi tắt máy: 0,05W Công suất tiêu ở chế độ tiết kiệm điện: 0,5W Công suất tiêu thụ khi sẵn sàng: $\leq 31W$ Công suất tiêu thụ khi in: $\leq 670W$ Độ ồn khi hoạt động: ≤ 52 dB Độ ồn khi ở trạng thái chờ: ≤ 34 dB Đạt chuẩn Energy Star CHỨC NĂNG BẢO MẬT: Setting Lock: có Secure Function Lock: có IP Address Filtering: có Secure Print: có IPsec: có Secure Sockets Layer (SSL): có Transport Layer Security (TLS): có 802.1X (EAP-MD5, EAP-FAST, PEAP, EAP-TLS, EAP-TTLS): Có VẬT TƯ TIÊU HAO SỬ DỤNG MÃ MỤC Hộp mực theo máy: ≥ 3.000 trang Hộp mực (TN3618/TN3668P): ≥ 18000 trang Hộp mực (TN3608XXL/TN3658XXLP): ≥ 11.000 trang Hộp mực (TN3608XL): ≥ 6.000 trang Hộp mực (TN3608): ≥ 3.000 trang Trống từ (DR3608/DR3658P): ≥ 45.000 trang Bảo hành: ≥ 24 tháng
2	Máy đếm tiền Oudis 9339A hoặc tương đương	Tốc độ đếm: ≥ 1100 tờ/phút Phát hiện tiền giả, siêu giả: Có, công nghệ tiên tiến 5D Nhận biết mệnh giá, loại tiền: có Công suất: 60W

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Chức năng chia sẻ từ: có Đếm cộng tổng tiền: có Hiển thị màn hình: LED Kết nối: USB và RS-232C Nguồn điện cấp: 220V, 50/60Hz Kích thước: 310 x 290 x 280 mm Bảo hành: ≥ 12 tháng
3	Máy Scan HP ScanJet Pro 3000 S4 hoặc tương đương	- Chức năng: Quét tài liệu, văn bản - Bảng điều khiển: Nút quét, nút Nguồn có đèn LED và đèn LED để chỉ báo lỗi - Thông số kỹ thuật: Công nghệ quét: CMOS CIS (Cảm biến hình ảnh tiếp xúc); Chế độ đầu vào quét: Một chế độ quét mặc định trên bảng điều khiển phía trước để quét HP trong Win OS, HP Easy Scan / ICA trong Mac OS và các ứng dụng của bên thứ ba thông qua TWAIN, ISIS và WIA; Phiên bản Twain: Windows: TWAIN 32-bit và 64-bit phiên bản 2.1; Mac: n / a; Quét màu: Có; Cài đặt dpi độ phân giải đầu ra: 75; 150; 200; 240; 300; 400; 500; 600; 1200 ppi - Kích thước quét: ADF: Tối đa 216 x 3100 mm; Tối thiểu 50,8 x 50,8 mm - Tốc độ quét: Lên đến 40 trang/phút/, 80 ảnh/phút - Định dạng: Đối với văn bản và hình ảnh: PDF, PDF / A, PDF được mã hóa, JPEG, PNG, BMP, TIFF, Word, Excel, PowerPoint, Text (.txt), Rich text (.rtf) và PDF - Chu kỳ làm việc: 4000 trang/ ngày - Công suất nạp tài liệu tự động: 50 tờ - Kết nối: USB 3.0 - Bộ nhớ: ≥ 256 MB - Kích thước (ADF): ISO A4: 210 x 297 mm; JIS B5: 182 x 257 mm; ISO B5: 176 x 250 mm; ISO A5: 148 x 210 mm; ISO A6: 105 x 148 mm; ISO A7: 74 x 104 mm; ISO A8: 52 x 74 mm Windows® (10,8.1,7, XP: 32/64 bit, 2008 R2, 2012 R2, 2016, 2019); MacOS(Catalina 10.15, Mojave 10.14,

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		High Sierra 10.13); Linux (Ubuntu, Fedora, Debian, RHEL, Linux Mint, Open Suse, Manjaro); Citrix - Phần mềm đi kèm: Windows: Trình điều khiển quét HP WIA, trình điều khiển quét HP TWAIN (32-bit và 64-bit), HP Scan, HP Scanner Tools Utility, OpenText ISIS - Nhiệt độ lưu trữ: - 40 đến 60°C - Nguồn: Dải điện áp đầu vào: 220 - 240 VAC, Tần số: 50 - 60HZ - Bảo hành: ≥ 12 tháng
4	Bộ bàn ghế Sofa văn phòng	Kích thước: Ghế đôi: chiều dài 183cm x cao 65cm x sâu 64cm; ghế đơn: cao 54cm x sâu 72cm x dài 82cm Chất liệu: Bọc da cao cấp, bọt biển đàn hồi mật độ cao, khung gỗ, chân inox Kiểu dáng: Sofa bộ văn phòng Màu: tùy chọn Bảo hành: ≥ 12 tháng
5	Ổ cứng Kingston SSD 1,92 TB SATA doanh nghiệp 2.5” dòng DC600M hoặc tương đương	Form factor: 2,5inch Giao diện: SATA Phiên bản 3.0 (6Gb/giây) – với khả năng tương thích ngược với SATA Phiên bản 2.0 (3Gb/giây) Dung lượng: ≥ 1.92 TB NAND: 3D TLC Đọc/Ghi tuần tự: 560 MBs/530 MBs Trạng thái ổn định Đọc/Ghi ngẫu nhiên 4k: 94.000/78.000 IOPS Chất lượng dịch vụ (Độ trễ): 200/300 uSec Độ bền (TBW): 1 DWPD (5 năm), 1,66 DWPD (3 năm) Nhiệt độ vận hành: 0°C ~ 70°C MTBF: Tuổi thọ trung bình 2 triệu giờ Bảo hành: ≥ 60 tháng
6	Tủ tài liệu The One TU09K3BCK hoặc tương đương	Thiết kế 2 khoang cánh lùa Bằng sắt sơn tĩnh điện cao cấp Bên trên gồm 01 khoang cánh lùa và 01 khoang cánh mở Bên dưới 02 khoang cánh lùa đợt di động Kích thước: W1000 x D450 x H1830 mm

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Bảo hành: ≥ 12 tháng
7	Két sắt The One KS50D hoặc tương đương	Cân nặng: 50 kg Kích thước ngoài: W347 x D432 x H515 mm Kích thước trong: W211 x D264 x H346 mm Chất liệu: Sắt sơn tĩnh điện Két có độ bảo mật cao với 1 khóa chìa và 1 khóa mã, mặt nạ hộp nhựa Bảo hành: ≥ 12 tháng
8	Máy in Brother HL-L2361DN hoặc tương đương	Loại: Laser đen trắng A4 đảo mặt tự động Tính năng: In đảo mặt Tốc độ in (A4/Letter): 30/32 trang/phút Tốc độ bộ xử lý: ≥ 266MHz Loại giấy : A4, Letter, A5 Màn hình hiển thị: 16 ký tự $\times$ 1 dòng Độ phân giải: 600 x 600 dpi, chất lượng HQ1200 (2400 x 600 dpi) Thời gian in trang đầu: $\leq 8,5$ giây Hỗ trợ định lượng giấy: 60 đến 163g/m² (Sử dụng khe nạp giấy thủ công) Cartridge mực: 2.600 trang (độ phủ 5% trên trang giấy) Khay giấy ra: ≥ 100 tờ Khay nạp giấy: ≥ 250 tờ Khay đa năng: 1 tờ Kích thước (W x D x H): 356 x 360 x 183mm Bộ nhớ ram: ≥ 32MB Giao diện: Hi-Speed USB 2.0, 10 Base-T/100 Base-TX Hệ điều hành hỗ trợ: Windows 2000 / XP / Server 2003 / Vista / Server 2008 Mac OS X v.10.3.9 Bảo hành: ≥ 24 tháng

1.3. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì

- Cam kết cung ứng đủ số lượng, chất lượng hàng hóa nếu trúng thầu.

- Cam kết thu hồi hàng hóa không đạt tiêu chuẩn chất lượng, không đúng với yêu cầu.

- Cam kết cung ứng hàng hóa đúng thời gian yêu cầu.

- Cam kết hỗ trợ xử lý sự cố trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của bên mời thầu (trực tiếp, email,...).

- Cam kết luôn có sẵn phụ tùng thay thế cho các hàng hoá, thiết bị cung cấp của gói thầu đảm bảo công tác xử lý sự cố, bảo hành, sửa chữa được thuận lợi và không ảnh hưởng đến việc vận hành xuyên suốt các thiết bị của bên mời thầu trong thời gian sử dụng.

Mục 2. Bản vẽ (Không có).

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT trước khi nghiệm thu.

- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với Bên mời thầu kiểm tra chất lượng, kiểm tra an ninh, an toàn trang thiết bị thuộc gói thầu.

- Thử nghiệm: Theo yêu cầu của Bên mời thầu.

- Mọi chi phí kiểm tra, thử nghiệm nhà thầu phải chịu trách nhiệm.